



CÔNG TY CỔ PHẦN
SAVIMEX

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

---000---

Số : **0.6.2.9** SAVIKTC/cv

V/v: **Giải trình chênh lệch của BCTC**

Ngày 01 tháng 09 năm 2011

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH

TP. HỒ CHÍ MINH

Số: **2.2674**

ĐẾN

Giờ: **5h30p** ngày **09/09/11**

Căn cứ vào các quy định công bố thông tin của tổ chức đã niêm yết trên thị trường chứng khoán.

Kính gửi : - **SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH**

- Căn cứ vào Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2011 trước kiểm toán.

- Căn cứ vào Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2011 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn tài chính Quốc Tế (IFC).

Công ty CP Hợp tác kinh tế và Xuất nhập khẩu Savimex xin giải trình chênh lệch số liệu trên Báo cáo tài chính trước và sau kiểm toán như sau:

A. CHÊN LỆCH TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (SỐ DƯ ĐẦU NĂM):

STT	Chi tiêu điều chỉnh	Số hiệu trước kiểm toán	Số hiệu sau kiểm toán	Chênh lệch	Lý do điều chỉnh
I	* TÀI SẢN :	3	4	5 = 4 - 3	6
A	Tài sản ngắn hạn				
III	Các khoản phải thu				
5	Các khoản phải thu khác (Mã số 135)	28,799,088,324	17,600,126,550	(11,198,961,774)	- Điều chỉnh giảm do : trước đây Cty hạch toán vào TK 138, nay điều chỉnh hạch toán sang TK 242 vì đây là khoản CP thuê đất tại KCN Nhì Xuân, Học Môn phục vụ việc xây dựng nhà máy mới và tái cấu trúc hoạt động sản xuất tại Cty, CP này đã trả và sẽ phân bổ vào CP khi nhà máy mới đi vào hoạt động theo thời gian còn lại của thời gian thuê đất.
B	Tài sản dài hạn				
V	Tài sản dài hạn khác				
I	Chi phí trả trước dài hạn (Mã số 261)	579,437,471	11,778,399,245	11,198,961,774	- Giải trình (nt)
	* NGUỒN VỐN :				
A	Nợ phải trả				
I	Nợ ngắn hạn				

STT	Chi tiêu điều chỉnh	Số liệu trước kiểm toán	Số liệu sau kiểm toán	Chênh lệch	Lý do điều chỉnh
1	2	3	4	5 = 4 - 3	6
6	Chi phí phải trả (Mã số 316)	172,075,695	23,838,455,003	23,666,379,308	- Điều chỉnh tăng do : trước đây Cty hạch toán TK 338, nay điều chỉnh hạch toán sang TK 335 vì 2 nguyên nhân sau: + CP chuyển nhượng quyền sử dụng đất của DA Bình Trị Đông là CP trích trước 10% giá trị quyền sử dụng đất : 9 tỷ đồng mua từ Cty Dầu Tự và Xây dựng Thanh Niên Xung Phong (CINCO), khoản chi phí trích trước này được vốn hóa vào giá trị công trình để tính giá thành trong kỳ. + CP tạm tính phải trả 14.666.379.308 đồng của DA Chung cư Ngọc Lan, Q7 để chuyển giá vốn tương ứng với doanh thu đã ra hóa đơn theo tiến độ thu tiền. - Như giải trình (2)
9	Các khoản phải trả ngắn hạn khác	32,716,276,870	9,049,897,562	(23,666,379,308)	

B. CHÉNH LỆCH TRÊN KẾT QUẢ KINH DOANH (Số liệu 6 tháng đầu năm 2011)

STT	Chi tiêu điều chỉnh	Số liệu trước kiểm toán	Số liệu sau kiểm toán	Chênh lệch	Lý do điều chỉnh
1	2	3	4	5 = 4 - 3	6
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	218,088,463,827	188,196,557,392	(29,891,906,435)	- Loại D: Thu (28.810.301.226,đ) của Cty CP. BDS Điện Lực EVN do hợp tác kinh doanh, hình thành tài sản đồng kiểm soát và phân chia sản phẩm thì bên bán hộ SP không được ghi nhận doanh thu và giá vốn tương ứng do đây không phải là sản phẩm của Cty SAV. - Loại Doanh thu phí quản lý đơn vị trực thuộc : (1.081.605.209,đ) - Loại hàng bán bán bị trả lại (138.870.600,đ) của Cty EVN
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	138,870,600		(138,870,600)	
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	217,949,593,227	188,196,557,392	(29,753,035,835)	- Loại D: Thu thuần (29.753.035.853,đ) của Cty CP. BDS Điện Lực EVN do hợp tác kinh doanh, hình thành tài sản đồng kiểm soát và phân chia sản phẩm thì bên bán hộ SP không được ghi nhận doanh thu và giá vốn tương ứng do đây không phải là sản phẩm của Cty SAV.



STT	Chi tiêu điều chỉnh	Số liệu trước kiểm toán	Số liệu sau kiểm toán	Chênh lệch	Lý do điều chỉnh
1	2	3	4	5 = 4 - 3	6
4	Giá vốn hàng bán	192,971,043,441	167,616,027,735	(25,355,015,706)	<ul style="list-style-type: none"> - Lợi nhuận thuần (28.671.430.626,đ) của Cty CP. BDS Điện Lực EVN do hợp tác kinh doanh, hình thành tài sản đồng kiểm soát và phân chia sản phẩm thì bên bán hộ SP không được ghi nhận doanh thu và giá vốn tương ứng do đây không phải là sản phẩm của Cty SAV. - Tăng giá vốn của CT Ngọc Lan Q7 = 2.746.735.449,đ theo tỷ lệ hoàn thành của Doanh thu. - Tăng giá vốn của Thuế nhập khẩu : 160.551.741,đ (do không có khả năng hoàn) - Tăng giá vốn 171.127.730,đ (thay vì đã hoàn vào C. phí QLDN) - Tăng giá vốn 238.000.000,đ BS dự phòng giảm giá hàng tồn kho
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	24,978,549,786	20,580,529,657	(4,398,020,129)	<ul style="list-style-type: none"> - Tính bổ sung Lãi tiền gửi từ ngày 26/6/2011 -> 30/6/2011
6	Doanh thu hoạt động tài chính	11,330,935,544	11,477,602,211	146,666,667	
7	Chi phí tài chính	7,926,834,872	10,509,748,927	2,582,914,055	<ul style="list-style-type: none"> - Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn : 2.345.785.258,đ . Do dự phòng khoản Lỗ lũy kế hoạt động của Liên doanh Lào. - Trích trước chi phí lãi vay : 237.128.797,đ từ ngày 26/6/2011 -> đến ngày 30/6/2011.
	<i>trong đó : Chi phí lãi vay</i>	4,822,243,115	5,059,371,912	237,128,797	<ul style="list-style-type: none"> - Trích trước chi phí lãi vay: 237.128.797,đ từ ngày 26/6/2011 đến ngày 30/6/2011.
8	Chi phí bán hàng	3,826,611,115	3,826,611,115	-	
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	19,793,105,716	21,027,048,186	1,233,942,470	<ul style="list-style-type: none"> - Tăng chi phí Dự phòng trợ cấp mất việc làm : 713.130.129,đ - Tăng CF dự phòng công nợ khó đòi : 1.629.219.280,đ. - Trích trước CF kiểm toán : 144.326.000,đ cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2011. - Giảm CF Quản lý DN (171.127.730,đ) => tăng giá vốn công trình - Giảm chi phí quản lý các đơn vị trực thuộc (1.081.605.209,đ)
10	(Lỗ) Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	4,762,933,627	(3,305,276,360)	(8,068,209,987)	
11	Thu nhập khác	60,609,963	4,523,114,443	4,462,504,480	<ul style="list-style-type: none"> - Thu nhập chênh lệch đánh giá lại tài sản : 3.849.224.480,đ bên góp vốn liên doanh phải ghi nhận thu nhập khác. - Tăng thu nhập : 643.280.000,đ khoản nợ đã xóa sau khi Có phân hóa, nay thu hồi được.
					<ul style="list-style-type: none"> - Chuyển hoàn trả giảm thu nhập (30.000.000,đ) tiền đặt cọc của khách hàng cho Công Ty CP. DV & XD Địa Ốc Đất Xanh.

STT	Chi tiêu điều chỉnh	Số liệu trước kiểm toán	Số liệu sau kiểm toán	Chênh lệch	Lý do điều chỉnh
1	2	3	4	5 = 4 - 3	6
12	Chi phí khác	33,006,352	33,006,352	-	
13	Lợi nhuận khác	27,603,611	4,490,108,091	4,462,504,480	- Giải trình (nt)
14	Tổng Lợi nhuận kế toán trước thuế	4,790,537,238	1,184,831,731	(3,605,705,507)	
15	Chi phí thuế TNDN hiện hành	1,236,734,310	335,307,933	(901,426,377)	- Do giảm Lợi nhuận => Thuế TNDN giảm tương ứng
16	Chi phí thuế TNDN hoãn lại				
17	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	3,553,802,928	849,523,798	(2,704,279,130)	
18	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	368	88	(280)	

Trên đây là toàn bộ giải trình chênh lệch số liệu của Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2011 trước và sau kiểm toán.

So sánh báo cáo trước và sau kiểm toán, lợi nhuận trước thuế của Cty SAVIMEX giảm (3,605,705,507,đ). Lợi nhuận sau thuế giảm (2,704,279,130,đ)
 Công Ty CP. Hợp tác kinh tế và XNK SAVIMEX kinh trình Sở Giao Dịch Chứng Khoán TP. HCM.

Trân trọng kính chào.

TP. HCM, ngày 01 tháng 09 năm 2011

CTY CP. HIKT & XNK SAVIMEX
 TỔNG GIÁM ĐỐC



BÙI NGỌC QUỘI

